

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày 13-02-/2023

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cù Văn Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vương Thị Liên
2. Ông Nguyễn Quang Tiếp

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Phạm Đài Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Thành Tr, Sinh năm: 1983; Địa chỉ: Tổ 4, thị trấn L, huyện V, tỉnh H; (Vắng mặt, anh Tr đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, ghi ngày 18/01/2023)

Bị đơn: Chị Lương Thị S, Sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ 4, thị trấn L, huyện V, tỉnh H. (Vắng mặt, chị S đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, ghi ngày 01/01/2023).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 10 năm 2022 cùng các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Anh Lê Thành Tr trình bày: Anh và Chị Lương Thị S kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện V, tỉnh H vào ngày 18/10/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc được khoảng 8 năm. Đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình mỗi người có quan điểm cách sống khác nhau, dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng không hòa hợp và không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn như trước. Sự mâu thuẫn của vợ chồng anh xảy ra chưa được cấp có thẩm quyền nào tiến hành hòa giải. Mặc dù đã được gia đình khuyên bảo nhưng cuộc sống của vợ chồng anh không cải thiện được, hiện nay anh và chị S đã sống ly thân từ tháng 10/2022 cho đến nay. Nay anh Tr xét thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, mâu thuẫn trầm trọng không thể khắc phục được, anh có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với Chị Lương Thị S để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có hai con chung là cháu Lê Diệu L, sinh ngày 16/3/2012 và cháu Lê Thành Đ, sinh ngày 08/01/2021. Khi ly hôn anh Tr có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L và cháu Đ cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Về phần cấp dưỡng nuôi con anh Tr không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Vợ chồng anh không có tranh chấp về tài sản riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 01/01/2023 chị S đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Nhưng vụ án đã không tiến hành hòa giải được vì bị đơn là chị S đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, **trong đơn chị S đã trình bày rõ về quan hệ hôn nhân, con chung, về công nợ, tài sản chung**. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Anh Lê Thành Tr có đơn xin giải quyết vắng mặt ghi ngày 18/01/2023. Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố toàn bộ nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt của Anh Lê Thành Tr cùng các tài liệu kèm theo, anh Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin ly hôn với chị S.

Về phần con chung: Anh Lê Thành Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu và đề nghị Tòa án giao cháu Lê Diệu L, sinh ngày 16/3/2012 và cháu Lê Thành Đ, sinh ngày 08/01/2021 cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L và cháu Đ trưởng thành đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con anh Tr không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ngày 12/10/2022 cháu Lê Diệu L, sinh ngày 16/3/2012 có đơn trình bày nguyện vọng muốn được ở với bố là Lê Thành Tr sau khi bố mẹ ly hôn.

Về tài sản chung và công nợ: Anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Chị Lương Thị S có đơn xin giải quyết vắng mặt ghi ngày 01/01/2023. Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố toàn bộ nội dung đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt của Chị Lương Thị S, chị S nhất trí ly hôn với Anh Lê Thành Tr.

Về con chung: Chị S xác nhận vợ chồng có 02 con chung cháu Lê Diệu L, sinh ngày 16/3/2012 và cháu Lê Thành Đ, sinh ngày 08/01/2021. Ly hôn chị nhất trí giao cháu L và cháu Đ cho anh Tr được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L và cháu Đ trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Chị **không** yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm. Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” của Anh Lê Thành Tr đối với Chị Lương Thị S.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Anh Lê Thành Tr được ly hôn Chị Lương Thị S.

3. Về con chung: Xử giao cháu Lê Diệu L, sinh ngày 16/3/2012 và cháu Lê Thành Đ, sinh ngày 08/01/2021 cho Anh Lê Thành Tr; Nơi ĐKKHKT: Tổ 4, thị trấn L, huyện V, tỉnh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L và cháu Đ cho đến khi cháu L và cháu Đ trưởng thành đủ 18 tuổi, kể từ ngày 13/02/2023. Chị Lương Thị S **không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.**

4. Về tài sản, công nợ: Anh Lê Thành Tr và Chị Lương Thị S không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí, quyền kháng cáo của đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Anh Lê Thành Tr có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện V giải quyết việc hôn nhân của anh Tr và chị S. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H. Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Nguyên đơn Anh Lê Thành Tr và Chị Lương Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt. **Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS** Hội đồng xét xử mở phiên tòa để xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Thành Tr và Chị Lương Thị S xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo đúng các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 18/10/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L huyện V, tỉnh H nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi về chung sống vợ, chồng anh Tr, chị S chung sống hạnh phúc được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do vợ, chồng có nhiều quan điểm bất đồng, trái ngược nhau, cuộc sống không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2022 cho đến nay. **Nay anh Tr có đơn xin ly hôn với chị S.** Hội đồng xét xử nhận thấy về tình trạng hôn nhân giữa anh Tr, chị S có cuộc sống chung không hoà hợp, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, không đồng thuận trong cuộc sống cũng như trong việc phát triển kinh tế để xây dựng cuộc sống gia đình và chăm sóc nuôi dưỡng con cái, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Tr đối với chị S.

[4] Về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con khi ly hôn: Căn cứ trình bày của Anh Lê Thành Tr và tài liệu chứng cứ giao nộp thì anh Tr và chị S có hai con chung là cháu Lê Diệu L, sinh ngày 16/3/2012 và cháu Lê Thành Đ, sinh ngày 08/01/2021, nguyện vọng của cháu L là được ở với bố do ở với bố sẽ đảm bảo hơn như trong việc sinh hoạt cũng như học tập và anh Tr cũng có đề nghị Tòa án giao cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Diệu L, sinh ngày 16/3/2012 và cháu Lê Thành Đ, sinh ngày 08/01/2021 cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi và anh Tr không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, tại đơn xin giải quyết vắng mặt chị S viết cũng nhất trí giao cháu L và cháu Đ cho anh Tr được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Căn cứ Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy việc giao cho anh Tr là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L và cháu Đ là phù hợp nên cần chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con **anh Tr không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở**

[5] Về tài sản, công nợ chung: Anh Tr, chị S không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Án phí sơ thẩm: Anh Lê Thành Tr là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa **phù hợp với các quy định của pháp luật** được chấp nhận.

[8] Quyền kháng cáo: Anh Lê Thành Tr và Chị Lương Thị S được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Lê Thành Tr về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” đối với Chị Lương Thị S.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Anh Lê Thành Tr được ly hôn với Chị Lương Thị S.

3. Về con chung: Giao cháu Lê Diệu L, sinh ngày 16/3/2012 và cháu Lê Thành Đ, sinh ngày 08/01/2021 cho Anh Lê Thành Tr; địa chỉ: Tổ 4, thị trấn L, huyện V, tỉnh H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L và cháu Đ cho đến khi hai cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, **kể từ ngày 13/02/2023**

Chị Lương Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

4. Án phí: Anh Lê Thành Tr phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo

biên lai số 0002318 ngày 08 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H (Anh Tr đã nộp đủ án phí).

5. Quyền kháng cáo: Báo cho anh Tr, chị S vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện V;
- TAND tỉnh;
- THADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn L; huyện V, tỉnh H.
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cù Văn Minh